ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 843 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 09 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 157/BC-SXD ngày 04/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000 như sau:

1. Mục tiêu: điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng đến năm 2035, nhằm xây dựng khu vực có môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư trong và nước ngoài, khai thác tối đa lợi thế sẵn có, phát triển sản xuất và

các loại hình, đô thị, dịch vụ, đẩy mạnh kinh tế khu vực phát triển. Khai thác có hiệu quả lợi thế và điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế, chính trị trong giao thương trong nước thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng núi Đông Bắc Bộ. Đẩy mạnh tốc độ đầu tư phát triển khu vực trong tâm thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng. Làm cơ sở để chính quyền địa phương và các tổ chức, đơn vị triển khai quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn theo quy định và là công cụ pháp lý để chính quyền các cấp quản lý, kiểm soát các hoạt động đầu tư xây dựng và sự phát triển của tỉnh theo quy hoạch được duyệt.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

2.1. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

Tổng vị trí điều chỉnh có 10 vị trí, với tổng diện tích điều chỉnh 806 ha, cụ thể:

a) Vị trí số 1, 2: ô đất TH1.02, TH1.03, CCO1.01, CXD1.01, HH1.02, HH1.03, OHT1.03, OM1.02, OM1.03, GD1.0 tại khu 8. Quy mô điều chỉnh: 10,32ha.

* Điều chỉnh diện tích ô đất:

- Mở rộng đất công cộng đơn vị ở ký hiệu CCO1.01, diện tích từ 0,14ha tăng lên 0,23ha theo Quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng;

- Điều chỉnh đất cây xanh đô thị ký hiệu CXD1.01, diện tích từ 1,88ha tăng lên 2,61ha theo dự án nghiên cứu xây dựng khu liên hợp thể thao và sân vận động huyện;

- Điều chỉnh đất ở hỗn hợp ký hiệu HH1.02, HH1.03 sang chức năng đất giáo dục và đất ở, diện tích từ 2,25ha giảm còn 0,38ha;

- Điều chỉnh đất nhóm ở hiện trạng chỉnh trang ký hiệu OHT1.03, diện tích từ 1,23ha tăng lên 1,27ha;

- Điều chỉnh đất nhóm ở mới ký hiệu OM1.03, OM1.02 diện tích từ 2,57ha giảm còn 2,53ha;

- Điều chỉnh diện tích đất Trường Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên ký hiệu GD1.01, diện tích từ 0,90 ha giảm còn 0,87ha do cập nhật dự án khu liên hợp thể thao và sân vận động huyện;

- Diện tích đất giao thông giảm từ 0,32 ha còn 0,17 ha.

* Điều chỉnh chức năng sử dụng đất:

- Cập nhật đất tôn giáo tín ngưỡng ký hiệu TG1.01 từ đất cây xanh đô thị theo hiện trạng quy mô 0,15ha;

- Bổ sung đất công cộng đô thị chuyển đổi từ đất ở mới ký hiệu CCD1.02 diện tích 0,61ha (dự kiến xây dựng thư viện theo định hướng Quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng);

- Bổ sung đất công cộng đơn vị ở chuyển đổi từ đất cây xanh đô thị theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng ký hiệu CCO1.06, diện tích 0,53 ha.

* Điều chỉnh chuyển đổi vị trí:

Di chuyển, điều chỉnh diện tích đất giáo dục ký hiệu TH1.02 và TH1.03, diện tích từ 1,03 giảm còn 0,97ha do nằm trong ranh giới dự án khu liên hợp thể thao và sân vận động huyện.

b) Vị trí số 3: ô đất LN4.04 tại khu 8. Quy mô điều chỉnh: 25,90 ha.

* Điều chỉnh chức năng sử dụng đất:

- Điều chỉnh đất lâm nghiệp ký hiệu LN4.04 sang các chức năng đất quốc phòng, an ninh, đất cơ quan, diện tích từ 25,90ha giảm còn 17,79ha;

- Bổ sung đất an ninh chuyển đổi từ đất lâm nghiệp ký hiệu AN4.01, diện tích 4,09ha (dự kiến xây dựng trụ sở đội phòng cháy, chữa cháy theo định hướng Quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng);

- Bổ sung đất cơ quan chuyển đổi từ đất lâm nghiệp ký hiệu CQ4.01, diện tích 4,02ha (dự kiến xây dựng khối cơ quan huyện theo định hướng Quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng).

c) Vị trí số 4: ô đất CCO2.01, CCO2.03, OHT2.12, CXO2.02, BX2.01 và đường giao thông tại khu 2. Quy mô điều chỉnh: 1,05ha.

* Điều chỉnh diện tích ô đất: diện tích đất giao thông giảm từ 0,08ha còn 0,02ha.

* Điều chỉnh đổi chức năng sử dụng đất:

- Điều chỉnh đất công cộng đơn vị ở ký hiệu CCO2.03 từ đất giao thông và đất cây xanh do thực tế hiện trạng, diện tích từ 0,12ha tăng lên 0,17ha;

- Điều chỉnh đất công cộng đơn vị ở CCO2.01 sang đất quốc phòng, an ninh diện tích 0,26ha (dự kiến chuyển đổi xây dựng trụ sở Công an thị trấn Na Sầm);

- Điều chỉnh đất nhóm ở hiện trạng chỉnh trang ký hiệu OHT2.12, diện tích từ 0,43ha tăng lên 0,60ha do chuyển đổi từ đất bãi đỗ xe, đất cây xanh đơn vị ở theo thực tế hiện trạng.

d) Vị trí số 5: ô đất MN4.01, MN4.02, MN4.03, HT2.01, CXV4.03, CXV4.04, CXV4.05, CXV4.06, CXV4.07, CXQ2.01, CXQ2.02, CXQ2.07, LN2.01, LN2.02, CXD2.02, CXD1.03, CXD1.04, CQ2.05, CQ2.06, CQ1.04, AN2.01, OHT1.09, OHT2.16, OHT2.14, OM1.13, OM1.14, OM1.15, OM2.06, OM2.11, OM2.12, OM2.13, TM2.03, DL2.01, DL2.02, CCO1.05 và đường giao thông tại khu 1, khu 8, khu 9. Quy mô điều chỉnh: 58,61 ha.

* Điều chỉnh diện tích ô đất:

- Điều chỉnh đất mặt nước ký hiệu MN4.01, MN4.02, MN4.03, diện tích từ 21,23ha tăng lên 21,78ha do cập nhật dự án kè sông Kỳ Cùng;

- Điều chỉnh đất cây xanh ven sông ký hiệu CXV4.03, CXV4.04, CXV4.05, CXV4.06, CXV4.07 do điều chỉnh cầu và cập nhật kè, diện tích từ 5,83ha giảm còn 4,22ha;

- Điều chỉnh đất cây xanh cảnh quan ký hiệu CXQ2.01, CXQ2.02, CXQ2.07 diện tích từ 2,99ha giảm còn 1,77ha do điều chỉnh cầu và cập nhật kè;

- Điều chỉnh đất rừng sản xuất ký hiệu LN2.01, LN2.02, diện tích từ 6,02ha tăng lên 6,03ha do bỏ cầu và tuyến đường dẫn lên cầu;

- Điều chỉnh đất cây xanh đô thị ký hiệu CXD1.02, CXD1.03, CXD1.04, diện tích từ 1,35 ha giảm xuống 0,55ha do điều chỉnh hướng tuyến giao thông và các chức năng sử dụng đất khác;

- Điều chỉnh đất cơ quan trụ sở ký hiệu CQ2.05, CQ2.06, CQ1.04, diện tích từ 1,73ha tăng lên 2,24ha do điều chỉnh hướng tuyến giao thông kết nối cầu mới;

- Điều chỉnh đất nhóm ở hiện trạng chỉnh trang ký hiệu OHT1.09, OHT2.16, OHT2.14 diện tích từ 2,73ha tăng lên 3,52ha do điều chỉnh giao thông, cập nhật theo thực tế hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng;

- Điều chỉnh đất nhóm ở mới ký hiệu OM1.13, OM1.14, OM1.15, OM2.06, OM2.11, OM2.12, OM2.13, diện tích từ 7,02ha tăng lên 9,06ha do điều chỉnh giao thông và cập nhật dự án;

- Điều chỉnh đất thương mại ký hiệu TM2.03, diện tích từ 0,71ha giảm còn 0,56ha do điều chỉnh giao thông đường dẫn lên cầu;

- Điều chỉnh đất dịch vụ du lịch ký hiệu DL2.01, DL2.02, diện tích từ 2,10ha giảm còn 1,59ha do điều chỉnh giao thông đường dẫn lên cầu;

- Điều chỉnh đất công cộng đơn vị ở ký hiệu CCO1.05, diện tích 0,18ha giảm 0,16ha do điều chỉnh giao thông;

- Diện tích đất giao thông giảm từ 5,74ha còn 2,43ha.

* Điều chỉnh chức năng sử dụng đất:

- Bổ sung đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật (kè) dọc sông Kỳ Cùng chuyển đổi từ đất cây xanh ven sông, ký hiệu HT2.03, HT2.04, diện tích bổ sung 1,62ha;

- Cập nhật hiện trạng đất an ninh, quốc phòng ký hiệu AN2.01, diện tích từ 0,48ha tăng lên 1,21ha; điều chỉnh đất dịch vụ du lịch sang đất an ninh hiện trạng ký hiệu AN2.02 diện tích 0,12ha;

- Bổ sung đất đền chùa, di tích từ đất đất lâm nghiệp, đất dịch vụ du lịch, đất nhóm ở ký hiệu TG2.02, diện tích bổ sung là 1,25ha (dự kiến xây dựng di tích đồn Tây theo quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng).

* Điều chỉnh vị trí: điều chỉnh vị trí cầu mới do tuyến đường dẫn đi qua đất an ninh và khu vực có địa hình khó khăn. Điều chỉnh vị trí từ Đường 13/10 của Khu 1 sang vị trí mới, ngược dòng về phía Nam cách vị trí cũ 500m.

e) Vị trí số 6: các ô đất ký hiệu CCO3.01, OM2.03, OM3.01, OHT2.08, OHT2.20, OHT3.04, OHT3.05, CQ2.03, TM2.02, TM3.01, TG2.01, CXQ3.02, NN4.05 tại khu 3, khu 4, khu 5, khu 6, Khu 7. Quy mô điều chỉnh: 41,40 ha.

* Điều chỉnh diện tích ô đất:

- Điều chỉnh Đất nhóm ở mới ký hiệu OM2.03, OM3.01, diện tích từ 1,39ha tăng lên 1,47ha do bổ sung thêm quỹ đất ở mới khu vực trung tâm thương mại kết hợp khu dân cư 04, thị trấn Na Sầm theo nhu cầu của địa phương;

- Điều chỉnh đất nhóm ở hiện trạng chỉnh trang ký hiệu OHT2.08, OHT2.20, OHT3.04, OHT3.05, diện tích từ 5,63ha tăng lên 7,37ha do rà soát

thực tế hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng;

- Điều chỉnh đất đền chùa, di tích theo hiện trạng ký hiệu TG2.01 diện tích 0,07ha giảm còn 0,06ha do rà soát thực tế hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng;

- Điều chỉnh đất nông nghiệp ký hiệu NN4.05, diện tích từ 30,11ha giảm còn 28,17ha do rà soát các chức năng đất ở hiện trạng.

* Điều chỉnh chức năng sử dụng đất:

- Điều chỉnh đất cây xanh cảnh quan ký hiệu CXQ3.02, diện tích từ 1,03ha giảm còn 0,26ha do chuyển đổi một phần sang diện tích đất ở mới theo nhu cầu địa phương;

- Điều chỉnh đất trụ sở cơ quan ký hiệu CQ2.03, diện tích từ 0,72ha tăng lên 2,04ha do hoàn trả diện tích đất cơ quan hiện trạng theo quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng, bổ sung đất cơ quan hiện trạng ký hiệu CQ3.06 diện tích 0,04ha;

- Điều chỉnh đất thương mại, dịch vụ ký hiệu TM2.02, TM3.01, diện tích từ 2,03ha giảm còn 1,60ha do hoàn trả đất cơ quan hiện trạng.

* Điều chỉnh vị trí: điều chỉnh đất công cộng đơn vị ở ký hiệu CCO3.01, diện tích từ 0,19ha giảm còn 0,16ha do vị trí cũ đang nằm trên đất ở hiện trạng.

g) Vị trí số 7: ô đất OM2.17, OM2.18, OM2.19, OHT2.25, OHT2.26, CXQ2.05, CXQ2.06, LN4.16 tại khu 4. Quy mô điều chỉnh: 15,98 ha.

* Điều chỉnh diện tích ô đất: do điều chỉnh mở rộng mặt cắt giao thông đường dẫn lên cầu

- Điều chỉnh Đất nhóm ở mới ký hiệu OM2.17, OM2.18, OM2.19, diện tích 3,25 ha giảm còn 3,15ha;

- Điều chỉnh đất nhóm ở hiện trạng chỉnh trang ký hiệu OHT2.25, OHT2.26, diện tích từ 1,16ha giảm còn 1,13ha;

- Điều chỉnh đất cây xanh cảnh quan ký hiệu CXQ2.05, CXQ2.06, diện tích từ 3,79ha giảm còn 3,74ha;

- Điều chỉnh đất rừng sản xuất ký hiệu LN4.16 diện tích từ 6,84ha giảm còn 6,80ha;

- Điều chỉnh đất giao thông do mở rộng mặt cắt đường dẫn lên cầu diện tích từ 0,94ha tăng lên 1,16ha.

h) Vị trí số 8: ô đất NT4.01, LN4.06 tại khu 6, khu 7. Quy mô điều chỉnh: 358,58ha.

* Điều chỉnh chuyển đổi chức năng sử dụng đất:

- Điều chỉnh đất lâm nghiệp ký hiệu LN4.06, diện tích từ 353,93ha giảm còn 341,93ha và một phần diện tích chuyển sang đất hạ tầng kỹ thuật ký hiệu HT4.03 diện tích là 0,08ha và đất sản xuất công nghiệp, vật liệu, kho bãi (mỏ đất đắp) theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng ký hiệu SKS4.01 diện tích 10,10ha.

* Điều chỉnh vị trí: điều chỉnh vị trí và quy mô đất nghĩa trang ký hiệu

NT4.01 sang vị trí thuận lợi xây dựng và đảm bảo khoảng cách an toàn đến các khu vực phát triển (cách vị trí cũ 800m về phía Tây Nam), diện tích từ 4,65ha tăng lên 6,47ha.

i) Vị trí số 9: ô đất QP3.03, NN4.06, LN4.07, OHT4.03 tại khu 3, khu 4. Quy mô điều chỉnh: 291,37 ha.

* Điều chỉnh diện tích ô đất:

- Điều chỉnh đất an ninh, quốc phòng ký hiệu QP3.03, diện tích từ 6,34ha tăng lên 9,94ha do cập nhật theo quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng;

- Điều chỉnh đất nông nghiệp ký hiệu NN4.06, diện tích từ 36,64ha giảm còn 28,62ha do cập nhật các chức năng đất khác theo dự án và quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng;

- Điều chỉnh đất lâm nghiệp ký hiệu LN4.07, diện tích từ 247,68h giảm còn 231,12ha do cập nhật các chức năng đất khác theo dự án và quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng.

* Điều chỉnh chức năng sử dụng đất:

- Cập nhật đất công cộng đô thị theo hiện trạng (tượng đài đồng chí Hoàng Văn Thụ) ký hiệu CCD3.02, diện tích từ 1,38 ha theo quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng;

- Cập nhật đất trung tâm y tế (dự kiến xây dựng trung tâm y tế Huyện theo quy hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng) ký hiệu YT4.01 chuyển đổi từ đất nông nghiệp và đất rừng sản xuất, diện tích 4,14ha;

- Cập nhật đất sản xuất công nghiệp, vật liệu, kho bãi ký hiệu SKS4.02 diện tích 9,02ha theo dự án mỏ Lũng Cùng- mỏ khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường;

- Bổ sung đất điểm dân cư nông thôn ký hiệu OHT4.10 chuyển đổi từ đất nông nghiệp và rừng sản xuất theo nhu cầu của địa phương, diện tích 6,44ha.

k) Vị trí số 10: ô đất OM1.01, OM1.04 và đường giao thông tại khu 8. Quy mô điều chỉnh: 2,82 ha.

* Điều chỉnh diện tích ô đất: điều chỉnh bỏ tuyến đường giao thông giữa ô đất OM1.01, OM1.04 để thuận lợi cho phát triển dự án, diện tích đất nhóm ở mới từ 2,68ha tăng lên 2,82ha.

2.2. Điều chỉnh hạ tầng kỹ thuật

a) Nội dung điều chỉnh quy hoạch hệ thống giao thông:

- Nắn chỉnh tuyến đường giao thông đi vào khu đất TG1.01;

- Di chuyển vị trí cầu vượt sông xuống phía Nam;

- Điều chỉnh mạng lưới giao thông kết nối khu vực 2 bên đầu cầu mới;

- Chuyển đổi tuyến đường đôi tiếp giáp lô đất CC02.02 và TH2.02 thành đường đơn.

b) Nội dung điều chỉnh quy hoạch thoát nước mưa:

- Bỏ đường ống thoát nước mưa D1250 đi giữa khu đất TH1.02, TH1.03 và

CXD1.01;

- Tăng kích thước đường ống thu gom qua khu đất OHT1.02 từ D600 lên D1250;

- Bổ sung đường ống D600 thu nước mưa từ khu TG1.01 đấu nối với đường ống D1000 bên ngoài;

- Thay đổi vị trí cửa xả nước mưa bên phải 2 ô đất OM1.14 và OM1.15, vị trí cửa xả mới dưới khu vực cầu. Tăng kích thước đoạn cuối ống về cửa xả từ D600 lên D800.

c) Nội dung điều chỉnh quy hoạch cấp nước:

- Điều chỉnh một số hướng tuyến ống cấp nước tại vị trí số 01, 04 theo điều chỉnh mạng lưới đường giao thông;

- Di chuyển tuyến ống cấp nước D160 phía Bắc trạm cấp nước xuống phía Nam trạm cấp nước theo vị trí thay đổi của cầu vượt sông;

- Bổ sung tuyến ống D110 tại cấp nước đến ô đất OM4.1 tại vị trí số 09.

d) Nội dung điều chỉnh quy hoạch cấp điện:

- Lưới điện trung thế 35KVKV: cập nhật nắn chỉnh hướng tuyến 35KV theo sử dụng đất điều chỉnh, chạy dọc theo các tuyến giao thông, tránh giao cắt công trình, các tuyến trong khu đô thị được hạ ngầm để phù hợp với mỹ quan đô thị;

- Trạm biến áp 35/0,4KV: cập nhật điều chỉnh vị trí 3 Trạm biến áp trung thế theo quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh, các trạm bố trí tại các khu đất cây xanh và hạ tầng kỹ thuật.

e) Nội dung điều chỉnh quy hoạch thông tin liên lạc:

- Cập nhật hướng tuyến ống luồn cáp thông tin trục chính theo quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh chạy dọc theo các tuyến giao thông tránh cắt ngang qua các công trình;

- Bổ sung tuyến cáp đi dọc tuyến giao thông đến một số khu đất mới điều chỉnh.

g) Nội dung điều chỉnh quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Bỏ đường ống thoát nước thải D300 đi giữa khu đất TH1.02, TH1.03 và CXD1.01;

- Bổ sung đường ống D300 thu nước thải từ khu TG1.01 đấu nối với đường ống D300 bên ngoài;

- Bổ sung đường ống D300 thu nước thải giữa 2 khu OM1.14 và OM1.15 đấu nối với đường ống D300 bên ngoài;

- Nắn chỉnh đường ống thoát nước thải bên phải 2 ô đất OM1.14 và OM1.15 theo đường giao thông thu về trạm bơm nước thải;

- Thay đổi hướng tuyến thu gom từ khu đất OHT2.2: thu gom qua các lô đất OHT2.12, CQ2.02 về trạm xử lý nước thải số 02;

- Thay đổi vị trí và quy mô nghĩa trang nhân dân, diện tích từ 4,65ha tăng

lên 6,47ha;

- Bổ sung giải pháp xử lý nước thải cục bộ tại khu đất OM4.1;

- Bổ sung điểm trung chuyển chất thải rắn tại ô đất HT4.03 diện tích 0,08ha.

2.3. Bảng tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất có Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Văn Lãng tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch; xây dựng kế hoạch, tổ chức quản lý và thực hiện theo quy hoạch được duyệt; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch cấp dưới thuộc thẩm quyền đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Xây dựng, UBND huyện Văn Lãng cập nhật các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung vào các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị khác có liên quan. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính đầy đủ, hợp lệ, chính xác của hồ sơ, số liệu và nội dung thẩm định trình phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng, Chủ tịch UBND thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(HVTr).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh